

# CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định những điều chung nhất về đào tạo đại học theo hình thức chính quy (gọi tắt là hệ đại học chính quy) của Trường Đại học Công nghệ Thông tin thuộc ĐHQG-HCM (gọi tắt là Trường).
2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị, cá nhân liên quan trong đào tạo hệ đại học chính quy.
3. Quy định đào tạo đại học theo hình thức đào tạo từ xa (gọi tắt là hệ đại học từ xa) và đào tạo các chương trình đặc biệt của Trường được xây dựng, điều chỉnh phù hợp với đặc thù hệ đào tạo/chương trình dựa trên cơ sở quy chế này.

## Điều 2. Mục tiêu của chương trình giáo dục và phương thức đào tạo

1. Mục tiêu chung của chương trình giáo dục đại học của Trường:
  - Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế;
  - Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân. Người học hoàn thành chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra bậc 6 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và các năng lực cốt lõi của Bộ phẩm chất và năng lực sinh viên tốt nghiệp ĐHQG-HCM.
2. Mục tiêu cụ thể của chương trình giáo dục đại học được ghi trong bản mô tả của từng chương trình giáo dục đại học.
3. Phương thức đào tạo của Trường theo học chế tín chỉ, giúp cho sinh viên có thể tích lũy kiến thức trong mọi thời điểm, đồng thời cũng yêu cầu ở sinh viên tính tích cực, chủ động trong việc lập kế hoạch học tập cá nhân nhằm tạo nên hiệu quả cao trong học tập và rèn luyện.

## Điều 3. Môn học

1. Học phần (hay môn học) là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho người học tích lũy trong quá trình học tập, nội dung được bố trí giảng dạy trong một học kỳ. Mỗi học phần được ký hiệu bằng một mã riêng do Trường quy định. Mỗi học phần thực hành, thí nghiệm, kiến tập,... có khối lượng từ 1 – 3 tín chỉ, mỗi học phần lý thuyết hoặc học phần có cả lý thuyết và thực hành có khối lượng từ 1 – 4 tín chỉ. Trường có hai hình thức tổ chức giảng dạy thực hành:
  - Thực hành Hình thức 1 (HT1): là hình thức dạy thực hành có sự hướng dẫn của giảng viên cho toàn thời lượng học thực hành.
  - Thực hành Hình thức 2 (HT2): là hình thức dạy thực hành có sự hướng dẫn của giảng viên với thời lượng 09 tiết/tín chỉ thực hành, không nhất thiết phải sử dụng phòng thực hành chuyên dụng.

## 2. Các loại học phần

- Học phần tích lũy: là học phần mà sinh viên có kết quả tổng kết học phần được từ 5 điểm trở lên.
- Học phần bắt buộc: là học phần bắt buộc sinh viên phải học và tích lũy theo ngành hoặc chuyên ngành đã chọn.
- Học phần tự chọn: là học phần sinh viên có thể đăng ký học hay không tùy theo nguyện vọng.
- Học phần chung (Giáo dục quốc phòng-An ninh, Giáo dục Thể chất, Lý luận chính trị, Ngoại ngữ,...) là các học phần được giảng dạy và học tập chung cho các ngành theo quy định của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của ĐHQG-HCM.
- Học phần tự chọn định hướng: là học phần mà sinh viên phải chọn trong các học phần quy định cho một ngành học cụ thể.
- Học phần tiên quyết: là học phần bắt buộc sinh viên phải học trước và tích lũy mới được học tiếp sang học phần có liên quan khác.
- Học phần học trước: là học phần sinh viên phải học trước khi học các học phần có liên quan khác. Học phần học trước có thể thi đạt hoặc không đạt.
- Học phần song hành: Hai học phần được gọi là song hành khi sinh viên đăng ký học phần này thì bắt buộc phải đăng ký học phần kia.
- Học phần thay thế: là học phần được sử dụng khi một học phần thuộc chương trình giáo dục thay đổi hoặc điều chỉnh, không còn tổ chức giảng dạy. Học phần thay thế có thời lượng tương đương nhưng nội dung có thể khác với học phần không còn tổ chức giảng dạy, do khoa phụ trách chuyên môn quy định.
- Học phần tương đương: là học phần có nội dung kiến thức và thời lượng tương đương với một học phần khác.
- Học phần mới: là học phần sinh viên đăng ký học lần đầu tiên.
- Học phần học lại: là học phần sinh viên đã học nhưng kết quả chưa đạt (điểm nhỏ hơn 5), sinh viên phải đăng ký học lại học phần đó nếu là học phần bắt buộc.
- Học phần học cải thiện: là học phần sinh viên đã học có kết quả đạt (từ 5 điểm trở lên), nhưng muốn đăng ký học lại. Sinh viên chỉ được đăng ký học cải thiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 của quy chế này.
- Học phần điều kiện: là các học phần sinh viên bắt buộc phải học như giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh, có kết quả đánh giá không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy.
- Học phần tài năng: là các học phần được tổ chức nhằm tăng cường tương tác giữa giảng viên và sinh viên, khuyến khích tư duy phản biện, khả năng sáng tạo, khả năng phát triển và trình bày ý tưởng của sinh viên.
- Học phần tiên tiến: là các học phần được tổ chức dựa trên cơ sở của chương trình đang được áp dụng ở trường đại học tiên tiến trên thế giới đáp ứng mục tiêu của chương trình tiên tiến.

3. Đối với chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù, yêu cầu khối lượng thực tập tối thiểu là 8 tín chỉ.

4. Khóa luận tốt nghiệp là học phần đặc biệt có khối lượng tương đương 10 tín chỉ.

## Điều 4. Tín chỉ học tập – Tín chỉ học phí

### 1. Tín chỉ học tập:

- Tín chỉ học tập: là đơn vị dùng để xác định thời gian, khối lượng học tập của sinh viên và khối lượng giảng dạy của giảng viên, đồng thời là đơn vị dùng để đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa trên số lượng tín chỉ học tập đã tích lũy được.
- Một tiết học được tính quy chuẩn bằng 50 phút.
- Một tín chỉ học tập được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thảo luận trên lớp, thí nghiệm, thực hành tại phòng máy theo phương thức học tập trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc 45 – 60 tiết thực tập, kiến tập, chuẩn bị khóa luận.
- Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm: để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân (tự học) và giảng viên phải dành ít nhất 30 giờ để soạn giáo án, bài tập tình huống, soạn đề cương chi tiết, chấm bài tập về nhà, bài thi, giải đáp cho sinh viên hoặc phát triển học phần.
- Một tín chỉ thực tập doanh nghiệp được quy định bằng 4 tuần đi thực tập doanh nghiệp.
- Số tiết, số tín chỉ, thời gian tự học, thời gian làm việc của giảng viên, cách đánh giá học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết của từng học phần.
- Sau đây tín chỉ học tập được gọi tắt là tín chỉ.

### 2. Tín chỉ học phí (TCHP): là đơn vị dùng để lượng hóa chi phí của các hoạt động giảng dạy tính cho từng học phần. Số TCHP của mỗi học phần được xác định căn cứ vào đề cương và cách thức tổ chức học phần; cụ thể như sau:

- Phần giảng dạy lý thuyết tại lớp: 15 tiết tương đương với 1 TCHP.
- Phần giảng dạy thực hành, thí nghiệm, thảo luận:
  - o Học phần thực hành HT1 : 1 TCTH tương đương 2 TCHP.
  - o Học phần thực hành HT2 : 1 TCTH tương đương 1 TCHP.
- Một số học phần đặc biệt được xác định số TCHP riêng theo quyết định của Hiệu trưởng gồm các loại học phần: Giáo dục quốc phòng - an ninh, Giáo dục thể chất, Thực tập doanh nghiệp, Khóa luận tốt nghiệp, Môn học đồ án (bao gồm chuyên đề nghiên cứu khoa học, seminar,...).
- Có 3 loại TCHP:
  - o TCHP học lại (TCHPHL): là tín chỉ học phí của học phần học lại.
  - o TCHP học cải thiện (TCHPCT): là tín chỉ học phí của học phần học cải thiện.
  - o TCHP học mới (TCHPHM): là tín chỉ học phí của học phần mới học lần đầu.
- Đầu năm học, Trường sẽ công bố mức học phí cho mỗi loại TCHP.

### 3. Nguyên tắc xác định học phí

- **Đối với sinh viên còn trong thời gian học theo thiết kế chương trình đào tạo:**
  - o Đối với học kỳ chính
$$\text{Học phí} = \text{HPHK} + \text{HPTCHL} \times \text{TCHPHL} + \text{HPTCCT} \times \text{TCHPCT}$$
  - o Đối với học kỳ hè
$$\text{Học phí} = \text{HPTCHM} \times \text{TCHPHM} + \text{HPTCHL} \times \text{TCHPHL} + \text{HPTCCT} \times \text{TCHPCT}$$

- **Đối với sinh viên đã quá thời gian học theo thiết kế chương trình đào tạo:**

- Đối với học kỳ chính

$$\text{Học phí} = \min(\text{HPHKC}, \text{HPGH} + \text{HPTCHM} \times \text{TCHPHM}) + \text{HPTCHL} \times \text{TCHPHL} + \text{HPTCCT} \times \text{TCHPCT}$$

- Đối với học kỳ hè

$$\text{Học phí} = \text{HPTCHM} \times \text{TCHPHM} + \text{HPTCHL} \times \text{TCHPHL} + \text{HPTCCT} \times \text{TCHPCT}$$

- Trong các công thức trên:

- HPHKC: học phí học kỳ, là khoản tiền sinh viên phải đóng khi có đăng ký học phần mới trong học kỳ chính.
- HPHKC: học phí học kỳ cuối cùng theo thiết kế chương trình đào tạo. (Ví dụ : nếu CTĐT có thời gian thiết kế là 4 năm thì học kỳ cuối cùng là học kỳ thứ 8, nếu CTĐT có thời gian thiết kế là 3,5 năm thì học kỳ cuối cùng là học kỳ thứ 7).
- HPTCHM: mức đơn giá học phí cho loại tín chỉ học phí học mới.
- TCHPHM: tổng số tín chỉ học phí của các môn học mới.
- HPTCHL: mức đơn giá học phí cho loại tín chỉ học phí học lại.
- TCHPHL: tổng số tín chỉ học phí của các môn học lại.
- HPTCCT: mức đơn giá học phí cho loại tín chỉ học phí học cải thiện.
- TCHPCT: tổng số tín chỉ học phí của các môn học cải thiện.
- HPGH : học phí gia hạn, được tính theo công thức sau đây với giá trị t được xác định cụ thể tại các thông báo của Hiệu trưởng :

$$\text{HPGH} = t \times \text{HPHKC} (t < 100\%).$$

- Gia hạn thời gian nộp học phí: Nếu sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không thể hoàn thành học phí đúng hạn thì phải làm đơn xin gia hạn đóng học phí và nộp về Phòng Kế hoạch – Tài chính trước thời hạn đóng học phí theo quy định.
- Đối với sinh viên đăng ký học ngoài giờ hành chính thì học phí tuân theo quy định về việc tổ chức dạy-học ngoài giờ hành chính của Trường.
- Đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình đào tạo, học phí cũng được xác định theo quy định tại khoản này. Trường hợp sinh viên đã tốt nghiệp chương trình thứ nhất thì học phí chương trình thứ hai được tính dựa trên số tín chỉ mà sinh viên đăng ký theo công thức: Học phí = Số TC học phí x đơn giá học phí.
- Sinh viên phải đóng HPHK tương ứng với số học kỳ theo thiết kế chương trình đào tạo. HPHK được áp dụng theo quy định học phí hiện hành của từng năm học tương ứng trong CTĐT. Lưu ý một số trường hợp đặc biệt sau đây (n là số học kỳ theo thiết kế CTĐT ):
  - + Nếu được cho phép bảo lưu thì sinh viên không phải đóng HPHK cho học kỳ được bảo lưu, tuy nhiên sinh viên phải đóng HPHK tới hết học kỳ n + i (trong đó i là tổng số học kỳ sinh viên được bảo lưu).
  - (Ví dụ : CTĐT có thời gian thiết kế là 7 học kỳ , sinh viên bảo lưu 01 học kỳ thì thời gian sinh viên phải đóng HPHK tới hết học kỳ 8).
  - + Nếu sinh viên không đăng ký học phần (ĐKHP) hoặc bị hủy ĐKHP (ĐKHP nhưng không đóng HPHK hoặc ĐKHP nhưng đóng HPHK trễ hạn) thì sinh viên không phải đóng HPHK của học kỳ đó, tuy nhiên sinh viên phải đóng HPHK tới hết học kỳ n + i

(trong đó i là số học kỳ sinh viên không ĐKHP hoặc bị hủy ĐKHP). Đồng thời, sinh viên bị XLHV theo quy định tại Điều 16 của Quy chế này.

(Ví dụ : CTĐT có thời gian thiết kế là 7 học kỳ, sinh viên không ĐKHP hoặc bị hủy ĐKHP 01 học kỳ thì thời gian sinh viên phải đóng HPHK tới hết học kỳ 8).

## **Điều 5. Học kỳ, năm học**

1. Học kỳ là thời gian để sinh viên hoàn thành một số học phần của chương trình đào tạo. Một học kỳ chính có 15 tuần thực học và 2 đến 3 tuần dành cho đánh giá hoạt động đào tạo (thi cuối kỳ, thi giữa kỳ, kiểm tra,...). Một học kỳ hè có tối thiểu 5 tuần thực học và 1 tuần thi. Căn cứ vào tình hình thực tế mỗi năm, kế hoạch giảng dạy của học kỳ có thể được điều chỉnh theo quyết định của Hiệu trưởng.
2. Một năm học có 2 học kỳ chính. Tùy theo điều kiện, Trường có thể tổ chức thêm học kỳ hè. Việc đăng ký học phần học kỳ hè được quy định tại Điều 14 của quy chế này.  
Kế hoạch học tập của mỗi học kỳ và năm học bao gồm thời gian biểu tiến hành các hoạt động giảng dạy, học tập và đánh giá hoạt động đào tạo. Kế hoạch học tập được công bố rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Trường.

## **Điều 6. Khoá học**

1. Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành chương trình giáo dục của một ngành chuyên môn ở trình độ đại học.
  - a) Đào tạo trình độ đại học được thực hiện từ 3 đến 5 năm đối với văn bằng 1; từ 2 năm đến 3 năm học đối với văn bằng 2; từ 1,5 năm đến 2,5 năm học đối với liên thông.
  - b) Thời gian đào tạo văn bằng 1, liên thông, văn bằng 2 được xác định trên cơ sở học phần và khối lượng tích lũy quy định cho từng chương trình;
2. Tùy theo khả năng học tập, sinh viên được kéo dài thời gian học tối đa 04 học kỳ chính.

## **Điều 7. Chương trình đào tạo**

1. Chương trình đào tạo của mỗi ngành đào tạo do Trường xây dựng phù hợp với các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM, được bổ sung cập nhật nội dung chương trình giáo dục tiên tiến quốc tế theo định hướng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển khoa học, công nghệ, kinh tế, xã hội đất nước và hội nhập quốc tế. Chương trình đào tạo phải đảm bảo các điều kiện sau:
  - a) Đáp ứng được mục tiêu chương trình giáo dục đại học quy định tại Điều 2, Khoản 1 của quy chế này, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; đảm bảo các yêu cầu theo quy định của Luật giáo dục đại học; đáp ứng Khung trình độ năng lực quốc gia; đáp ứng Bộ phẩm chất, năng lực sinh viên tốt nghiệp ĐHQG-HCM và các quy định hiện hành khác về CTĐT; phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực của ngành, địa phương và xã hội.
  - b) Thể hiện rõ trình độ đào tạo; điều kiện tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo; chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo của CSĐT.

c) Được thiết kế tích hợp thông qua phương pháp tiếp cận hệ thống đối với việc giảng dạy kỹ năng, phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp kết hợp với kiến thức nền tảng và kiến thức chuyên môn.

d) Xây dựng kế hoạch và thực hiện các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục đối với chương trình đào tạo đang triển khai.

đ) Định kỳ sau một khóa đào tạo, thực hiện rà soát chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo phù hợp với quy định về chuẩn chương trình đào tạo và phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.

e) Có khả năng liên thông giữa các bậc và các ngành đào tạo khác, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp.

Tổng số tín chỉ của các chương trình đào tạo tối thiểu là 120 và tối đa là 132 tín chỉ đối với đào tạo chương trình cử nhân; tối thiểu 150 tín chỉ đối với chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ đại học (không tính Giáo dục quốc phòng-An ninh và Giáo dục thể chất). Chương trình đào tạo được Hiệu trưởng phê duyệt theo đề nghị của Trường khoa/Trường bộ môn quản lý ngành đào tạo và Trường phòng Đào tạo Đại học (P. ĐTDH).

2. Chương trình đào tạo bao gồm hai khối kiến thức:

a) Khối kiến thức giáo dục đại cương bao gồm các học phần thuộc các lĩnh vực: Lý luận chính trị, Khoa học xã hội và nhân văn, Khoa học tự nhiên, Toán, Ngoại ngữ, Giáo dục quốc phòng-An ninh, Giáo dục thể chất và Kỹ năng mềm, được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên nền học vấn rộng để tiếp thu tốt kiến thức chuyên môn, tạo nền tảng cho người học dễ dàng thích nghi với môi trường làm việc, tự cập nhật kiến thức trước tình hình phát triển nhanh của khoa học và công nghệ. Khối kiến thức này được tổ chức đào tạo chủ yếu trong 4 học kỳ đầu.

b) Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm các học phần cơ sở ngành và các học phần chuyên ngành nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cần thiết. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được quy định cụ thể trong từng chương trình đào tạo. Những môn học cơ sở ngành chung của nhiều ngành khác nhau gọi là môn học cơ sở nhóm ngành.

3. Mỗi khối kiến thức có 2 nhóm học phần như sau:

a) Nhóm học phần bắt buộc gồm những học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của ngành đào tạo, bắt buộc sinh viên phải đăng ký học và tích lũy.

b) Nhóm học phần tự chọn gồm những học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết và sinh viên được tự chọn theo hướng chuyên môn, tạo sự mềm dẻo trong chương trình đào tạo. Các học phần tự chọn có thể được xếp theo từng nhóm, sinh viên phải tích lũy được một số học phần nhất định trong từng nhóm nhằm tích lũy đủ số tín chỉ tối thiểu quy định cho nhóm học phần tự chọn tương ứng. Sinh viên chọn lựa những học phần này theo hướng dẫn của cố vấn học tập.

4. Các học phần trong chương trình đào tạo được sắp xếp theo trình tự nhất định vào từng học kỳ của khóa đào tạo. Đây là trình tự mà Trường khuyến cáo sinh viên nên tuân thủ để thuận lợi nhất cho việc tiếp thu kiến thức.

## **Điều 8. Chương trình đào tạo gắn với một ngành**

Chương trình đào tạo gắn với một ngành được phân loại như sau:

1. Chương trình chuẩn: được xây dựng theo quy định hiện hành; đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra của bậc trình độ tương ứng; có sự tham khảo chương trình của các trường đại học có uy tín trong nước hoặc trên thế giới; có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.
2. Chương trình tài năng: được xây dựng dựa trên chương trình chuẩn nhằm tuyển chọn và tạo điều kiện phát triển cho các sinh viên xuất sắc.
3. Chương trình tiên tiến: được thiết kế, xây dựng dựa trên cơ sở chương trình đang được áp dụng ở trường đại học tiên tiến trên thế giới (gọi tắt là chương trình gốc) được giảng dạy bằng ngôn ngữ của chương trình gốc.
4. Chương trình nâng cao: được xây dựng dựa trên chương trình chuẩn; đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra cao hơn, đồng thời đáp ứng các tiêu chí và điều kiện đảm bảo chất lượng của chương trình theo quy định hiện hành.
5. Chương trình liên thông và văn bằng 2: được xây dựng dựa trên chương trình chuẩn; đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra của bậc trình độ tương ứng. Chương trình đào tạo được xác định theo nguyên tắc: công nhận kết quả học tập đối với những môn học đã tích lũy trước đó để xét miễn các nội dung tương đương trong chương trình đào tạo.
6. Chương trình liên kết giữa Trường với các cơ sở liên kết đào tạo trong và ngoài nước: được xây dựng trên cơ sở quy định về chương trình đào tạo của ĐHQG-HCM hoặc nội dung thỏa thuận hợp tác ký kết giữa các bên.

## **Điều 9. Chương trình đào tạo gắn với hơn một ngành**

Chương trình đào tạo gắn với hơn một ngành đào tạo bao gồm:

1. Chương trình song ngành gồm hai phần: chương trình đào tạo ngành thứ nhất có khối lượng kiến thức tối thiểu theo quy định tại Điều 7, ngành thứ hai có khối lượng kiến thức từ 30 tín chỉ trở lên (những nội dung giống nhau, tương đương giữa hai chương trình đào tạo chỉ được tính khối lượng kiến thức một lần). Việc tổ chức và quản lý đào tạo được thực hiện liên thông giữa các khoa, bộ môn trong Trường hoặc giữa các CSĐT trong ĐHQG-HCM.
2. Chương trình ngành chính - ngành phụ: gồm nội dung chương trình đào tạo được thiết kế cho ngành thứ nhất bổ sung thêm các môn học của chương trình đào tạo ngành thứ hai hoặc các môn học bổ trợ kiến thức khác với khối lượng kiến thức từ 15 đến 29 tín chỉ, chủ yếu thuộc khối kiến thức ngành. Các môn học bổ sung được thể hiện trong bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp. Việc tổ chức và quản lý đào tạo được thực hiện liên thông giữa các khoa, bộ môn trong Trường hoặc giữa các CSĐT trong ĐHQG-HCM.
3. Hiệu trưởng quyết định về nội dung chương trình và tổ chức đào tạo chương trình song ngành, chương trình ngành chính - ngành phụ.